

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHƯỢNG KỲ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38/CV-UBND
V/v rà soát, niêm yết công
khai thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền cấp xã

Phượng Kỳ, ngày 08 tháng 02 năm 2023

Kính gửi:

- Ban thường vụ Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- MTTQ và Trưởng các ngành, đoàn thể;
- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã;
- Bộ phận có TTHC thuộc thẩm quyền cấp xã.

UBND xã Phượng Kỳ thực hiện niêm yết công khai **163** TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã, cụ thể gồm:

- 139 TTHC cấp xã;
- 12 TTHC ngành dọc Quân sự;
- 12 TTHC ngành dọc Công an.

Trong đó:

- 56 TTHC mức độ 4;
- 107 TTHC mức độ 2, 3.

(Có Phụ lục kèm theo công văn này)

Các TTHC được niêm yết tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã.

Yêu cầu các bộ phận tiếp tục rà soát, kiểm soát TTHC đối với các lĩnh vực quản lý, thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã. Chủ động theo dõi, cập nhật, công khai TTHC thuộc lĩnh vực phụ trách đúng thời gian quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang Thông tin điện tử xã;
- Lưu: Vp.

CHỦ TỊCH

Tấn Văn Duẩn

PHỤ LỤC 01
DANH MỤC TTHC MỨC ĐỘ 2, 3
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ
(Kèm theo Công văn số 38/CV-UBND ngày 08/02/2023 của UBND xã)

STT	MÃ THỦ TỤC	MỨC ĐVC	TÊN TTHC	LĨNH VỰC
1	1.008901.000.00.00.H23	3	Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	Thư viện
2	1.008903.000.00.00.H23	3	Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	
3	1.004492.000.00.00.H23	3	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	Cơ sở giáo dục khác
4	1.004485.000.00.00.H23	3	Thủ tục sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	
5	2.001810.000.00.00.H23	3	Thủ tục giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập).	
6	1.004443.000.00.00.H23	3	Thủ tục cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	
7	1.004441.000.00.00.H23	3	Thủ tục cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	Dân số - Sức khỏe sinh sản
8	2.001088.000.00.00.H23	2	Thủ tục xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	
9	1.002192.000.00.00.H23	3	Thủ tục cấp giấy chứng sinh đối với trường hợp trẻ được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ	
10	2.002401.000.00.00.H23	3	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	Phòng, chống tham nhũng
11	2.002402.000.00.00.H23	3	Thủ tục tiếp nhận giải trình	
12	2.002403.000.00.00.H23	3	Thực hiện việc giải trình	
13	1.001055.000.00.00.H23	3	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	Tôn giáo chính phủ
14	1.001090.000.00.00.H23	3	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	
15	2.002165.000.00.00.H23	3	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	Bồi thường nhà nước
16	2.000815.000.00.00.H23	3	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Chứng thực
17	2.000884.000.00.00.H23	3	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	
18	2.001035.000.00.00.H23	3	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	
19	2.001019.000.00.00.H23	3	Thủ tục chứng thực di chúc	
20	2.001016.000.00.00.H23	3	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	

21	2.001406.000.00.00.H23	3	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
22	2.000913.000.00.00.H23	3	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	
23	2.000927.000.00.00.H23	3	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	
24	2.002409.000.00.00.H23	3	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	Giải quyết khiếu nại
25	1.001193.000.00.00.H23	3	Thủ tục đăng ký khai sinh	Hộ tịch
26	2.002516.000.00.00.H23	3	Xác nhận thông tin hộ tịch	
27	1.008977.000.00.00.H23	2	Thủ tục liên thông Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)	
28	1.008978.000.00.00.H23	2	Thủ tục liên thông Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Hưởng mai táng phí (đối với đối tượng người có công với cách mạng từ trần)	
29	1.008979.000.00.00.H23	2	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	
30	1.008980.000.00.00.H23	2	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, Nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007	
31	1.008981.000.00.00.H23	2	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh	
32	1.008982.000.00.00.H23	2	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	
33	1.008985.000.00.00.H23	2	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	
34	1.008986.000.00.00.H23	2	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử,	

			hưởng mai táng phí đối với đối tượng thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, Nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007	
35	1.008988.000.00.00.H23	2	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	
36	HTX017	2	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	
37	HTX018	2	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	
38	HTX019	2	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh	
39	HTX024	2	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng có công với cách mạng từ trần	
40	HTX025	2	Thủ tục liên thông Đăng ký khai tử - Hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)	
41	HTX030	2	Thủ tục liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú	
42	1.001022.000.00.00.H23	3	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	
43	1.000689.000.00.00.H23	3	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	
44	1.000656.000.00.00.H23	3	Thủ tục đăng ký khai tử	
45	1.003583.000.00.00.H23	3	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	
46	1.000419.000.00.00.H23	3	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	

47	1.004859.000.00.00.H23	3	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	
48	1.004873.000.00.00.H23	3	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	
49	1.004884.000.00.00.H23	3	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	
50	1.004772.000.00.00.H23	3	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	
51	1.004746.000.00.00.H23	3	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	
52	1.005461.000.00.00.H23	3	Thủ tục đăng ký lại khai tử	
53	2.000986.000.00.00.H23	3	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	
54	2.001023.000.00.00.H23	3	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	
55	2.001263.000.00.00.H23	3	Thủ tục đăng ký nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi
56	2.000333.000.00.00.H23	3	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	Phổ biến giáo dục pháp luật
57	1.005412.000.00.00.H23	3	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	Bảo hiểm
58	1.008603.000.00.00.H23	3	Kê khai, thẩm định tờ khai bảo vệ môi trường đối với nước thải	Chính sách thuế
59	2.002226.000.00.00.H23	3	Thông báo thành lập tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của Tổ hợp tác
60	2.002227.000.00.00.H23	3	Thông báo thay đổi tổ hợp tác	
61	2.002228.000.00.00.H23	3	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	
62	1.005422.000.00.00.H23	2	Quyết định điều chuyển tài sản công	Quản lý công sản
63	1.005426.000.00.00.H23	2	Quyết định thanh lý tài sản công	
64	1.005427.000.00.00.H23	2	Quyết định tiêu hủy tài sản công	
65	2.000751.000.00.00.H23	3	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	Bảo trợ xã hội
66	2.000602.000.00.00.H23	3	Thủ tục Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế	
67	1.010833.000.00.00.H23	3	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	Người có công
68	1.010941.000.00.00.H23	2	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	Phòng, chống tệ nạn xã hội
69	1.004941.000.00.00.H23	2	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	Trẻ em
70	1.004944.000.00.00.H23	2	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	
71	1.004946.000.00.00.H23	2	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	
72	2.001942.000.00.00.H23	2	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay	

			thể tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	
73	2.001944.000.00.00.H23	2	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	
74	2.001947.000.00.00.H23	2	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	
75	1.008362.000.00.00.H23.	3	Hỗ trợ hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh và có trong danh bạ của cơ quan thuế gặp khó khăn do đại dịch COVID-19	Việc làm
76	1.010736.000.00.00.H23	2	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	Môi trường
77	1.010091.000.00.00.H23	2	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.	Phòng, chống thiên tai
78	1.010092.000.00.00.H23	2	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	
79	2.002161.000.00.00.H23	3	Phê duyệt Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	
80	2.002162.000.00.00.H23	3	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	
81	2.002163.000.00.00.H23	3	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	
82	1.003440.000.00.00.H23	3	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.	Thủy lợi
83	1.003446.000.00.00.H23	3	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	
84	2.001621.000.00.00.H23	3	Nhận hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	
85	1.004088.000.00.00.H23	3	Thủ tục đăng ký phương tiện thủy nội địa lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác	Đường thủy nội địa
86	1.005040.000.00.00.H23	3	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	
87	1.004047.000.00.00.H23	3	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	

88	1.004036.000.00.00.H23	3	Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	
89	1.004002.000.00.00.H23	3	Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	
90	1.003970.000.00.00.H23	3	Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	
91	1.006391.000.00.00H23	3	Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác.	
92	1.003930.000.00.00.H23	3	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	
93	2.001659.000.00.00.H23	3	Xóa giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	
94	DBX001	3	Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tạm thời phần hè phố để tổ chức đám cưới và điểm trông giữ xe phục vụ đám cưới	Đường bộ
95	DBX002	3	Thủ tục gia hạn giấy phép sử dụng tạm thời phần hè phố để tổ chức đám cưới và điểm trông giữ xe phục vụ đám cưới	
96	Quân sự	2	Thủ tục Trợ cấp đối với dân quân bị ốm hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị ốm dẫn đến chết.	Dân quân tự vệ
97	Quân sự	2	Thủ tục Trợ cấp đối với dân quân bị tai nạn hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị tai nạn dẫn đến chết.	
98	Quân sự	2	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu	Nghĩa vụ Quân sự
99	Quân sự	2	Thủ tục đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị	
100	Quân sự	2	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung	
101	Quân sự	2	Thủ tục Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập	
102	Quân sự	2	Thủ tục Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập	
103	Quân sự	2	Thủ tục Đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng	
104	Quân sự	2	Đăng ký miễn gọi nhập ngũ thời chiến	
105	Quân sự	2	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30/4/1975 trở về trước, có 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ.	Bảo hiểm xã hội
106	Quân sự	2	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và	Chính sách

			làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc.	
107	Quân sự	2	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp 1 lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc (đối tượng từ trần).	

PHỤ LỤC 02
DANH MỤC TTHC MỨC ĐỘ 4
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ
(Kèm theo Công văn số /CV-UBND ngày / /2023 của UBND xã)

STT	MÃ THỦ TỤC	MỨC ĐVC	TÊN TTHC	LĨNH VỰC
1	1.008902.000.00.00.H23	4	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	Thư viện
2	1.003622.000.00.00.H23	4	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	Văn hóa
3	1.000954.000.00.00.H23	4	Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	
4	1.001120.000.00.00.H23	4	Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	
5	2.000794.000.00.00.H23	4	Thủ tục công nhận Câu lạc bộ thể thao cơ sở	Thể dục thể thao
6	2.002400.000.00.00.H23	4	Thủ tục Kê khai tài sản, thu nhập	Phòng chống tham nhũng
7	1.000775.000.00.00.H23	4	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	Thi đua, khen thưởng
8	2.000346.000.00.00.H23	4	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	
9	2.000337.000.00.00.H23	4	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất	
10	1.000748.000.00.00.H23	4	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình	
11	2.000305.000.00.00.H23	4	Thủ tục xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	
12	2.000509.000.00.00.H23	4	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	Tôn giáo chính phủ
13	1.001028.000.00.00.H23	4	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	
14	1.001078.000.00.00.H23	4	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	
15	1.001085.000.00.00.H23	4	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	
16	1.001098.000.00.00.H23	4	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	
17	1.001109.000.00.00.H23	4	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	
18	1.001156.000.00.00.H23	4	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	
19	1.001167.000.00.00.H23	4	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	
20	2.000908.000.00.00.H23	4	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Chứng thực

21	2.001009.000.00.00.H23	4	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
22	2.000942.000.00.00.H23	4	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	
23	2.002396.000.00.00.H23	4	Thủ tục Giải quyết tố cáo tại cấp xã	Giải quyết tố cáo
24	1.000894.000.00.00.H23	4	Thủ tục đăng ký kết hôn	Hộ tịch
25	1.000593.000.00.00.H23		Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	
26	1.004837.000.00.00.H23	4	Thủ tục đăng ký giám hộ	
27	1.004845.000.00.00.H23	4	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	
28	2.000635.000.00.00.H23	4	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch	
29	2.001255.000.00.00.H23	4	Thủ tục đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi
30	2.001457.000.00.00.H23	4	Thủ tục công nhận Tuyên truyền viên pháp luật	Phổ biến giáo dục pháp luật
31	2.001449.000.00.00.H23	4	Thủ tục cho thôi làm Tuyên truyền viên pháp luật	
32	2.000930.000.00.00.H23	4	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	
33	2.002080.000.00.00.H23	4	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	
34	2.000373.000.00.00.H23	4	Thủ tục công nhận hòa giải viên	
35	1.010945.000.00.00.H23	4	Thủ tục Tiếp công dân tại cấp xã	Tiếp công dân
36	2.002501.000.00.00.H23	4	Thủ tục Xử lý đơn tại cấp xã	Xử lý đơn thư
37	2.000355.000.00.00.H23	4	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	Bảo trợ xã hội
38	1.001653.000.00.00.H23	4	Thủ tục Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	
39	1.001699.000.00.00.H23	4	Thủ tục xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	
40	1.000132.000.00.00.H23	4	Thủ tục Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	Phòng chống tệ nạn xã hội
41	1.008004.000.00.00.H23	4	Thủ tục Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	Trồng trọt
42	1.003596.000.00.00.H23	4	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	Nông nghiệp
43	1.004082.000.00.00.H23	4	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	Môi trường
44	1.003554.000.00.00.H23	4	Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai	Đất đai
45	Công an	4	Đăng ký thường trú	Cư trú
46	Công an	4	Xóa đăng ký thường trú	
47	Công an	4	Đăng ký tạm trú	
48	Công an	4	Lưu trú và tiếp nhận lưu trú tại Công an cấp xã	
49	Công an	4	Gia hạn tạm trú	
50	Công an	4	Tách hộ	
51	Công an	4	Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú	
52	Công an	4	Khai báo thông tin về cư trú đối với người chưa đủ điều kiện đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú	
53	Công an	4	Xác nhận thông tin về cư trú	
54	Công an	4	Xóa đăng ký tạm trú	
55	Công an	4	Khai báo tạm vắng	
56	Công an	4	Thông báo lưu trú	